

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/12/2021  
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình - Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng;
2. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 523, Tổ 2, Ấp 1, xã MT, thành phố C, tỉnh Đ.

*2. Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh Đ1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 523, Tổ 2, Ấp 1, xã MT, thành phố C, tỉnh Đ.

*(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2021; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Huỳnh Minh Đ1 kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 29/4/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau giữa chị H và anh Đ1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ1 thường xuyên uống rượu và gây tai nạn giao thông, vợ chồng thường xuyên cãi

vã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị H đã nhiều lần cho anh Đ1 cơ hội sửa đổi nhưng anh Đ1 vẫn không thay đổi. Hơn 01 năm nay, chị H và anh Đ1 còn sống chung nhà nhưng đời sống vợ chồng đã không còn, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Nay chị H nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Minh Đ1.

Về con chung: Chị H và anh Đ1 có 02 con chung gồm:

- Huỳnh Minh Đ2, sinh ngày 14/8/2003, đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Huỳnh Minh H, sinh ngày 09/9/2009, hiện nay Minh Hiếu đang sống chung với chị H và anh Đ1. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung Huỳnh Minh H, về cấp dưỡng chị H không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Huỳnh Minh Đ1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ1 thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh với chị H chung sống hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng anh Đ1 nhận thấy đó là những chuyện nhỏ nhặt, không đáng để vợ chồng phải ly hôn. Anh Đ1 thừa nhận có thường xuyên nhậu chung với anh em tại nơi làm việc và trong lúc say anh cũng nhiều lần gây tai nạn, anh đã hứa với chị H sẽ khắc phục thay đổi nhưng chị H không đồng ý. Hơn 01 năm nay, anh Đ1 và chị H còn sống chung nhà nhưng đời sống vợ chồng đã không còn. Anh Đ1 nhận thấy vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn với chị H, yêu cầu được đoàn tụ với chị H để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm:

- Huỳnh Minh Đ2, sinh ngày 14/8/2003, đã trưởng thành nên anh Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Huỳnh Minh H, sinh ngày 09/9/2009, hiện nay đang sống chung với chị H và anh Đ1. Nếu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh Đ1 đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Đ1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên anh Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Minh Đ1 và chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Huỳnh Minh Đ1 là bị đơn trong vụ án có địa chỉ: Số 523, Tổ 2, Ấp 1, xã MT, thành phố C, tỉnh Đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Huỳnh Minh Đ1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký số 14; quyển số 01 ngày 29/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh Đ1 cùng thừa nhận, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh Đ1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau nguyên nhân là do anh Đ1 thường xuyên uống rượu và trong lúc say anh Đ1 đã nhiều lần gây tai nạn cho chính mình và cho người khác. Anh Đ1 nhiều lần hứa với chị H sẽ sửa đổi nhưng không thực hiện được. Chị H và anh Đ1 đã không còn đời sống vợ chồng hơn 01 năm nay và không ai quan tâm lo lắng cho ai.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên hòa giải ngày 11 tháng 11 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ1 cho rằng anh vẫn còn thương chị H và hiện nay con chung còn nhỏ nên anh yêu cầu được đoàn tụ với chị H để cùng nhau nuôi dạy con chung. Với tâm lý không muốn hôn nhân tan vỡ, muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung thì lẽ ra anh Đ1 cần khắc phục được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là việc anh thường xuyên uống rượu và cần có những hành động lời nói thể hiện tình cảm và sự quan tâm lo lắng của mình đối với vợ con. Tuy nhiên, anh Đ1 xác nhận từ ngày Tòa án tiến hành hòa giải cho đến nay anh không có bất kỳ hành động nào thể hiện thiện chí sửa đổi bản thân để chị H cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm, mặc dù biết rõ tác hại của rượu bia nhưng anh không thể từ bỏ được, buổi chiều H ngày anh Đ1 đều uống rượu, về đến nhà trong tình trạng say sưa anh Đ1 thường xuyên có những lời nói thách thức chị H nhanh chóng tiến hành thủ tục ly hôn để hai bên giải thoát cho nhau. Như vậy, anh Đ1 không thật sự muốn hàn gắn tình cảm để đoàn tụ với chị H và chính những hành động và lời nói của anh Đ1 trong lúc say sưa đã đẩy cuộc hôn nhân giữa anh và chị H rơi vào tình trạng trầm trọng hơn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để chị H được ly hôn với anh Huỳnh Minh Đ1.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời xác nhận của chị H và anh Đ1, giấy khai sinh số 94 quyền số 01 ngày 26/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Phường Trà, huyện C và giấy khai sinh số 114 quyền số 1 ngày 14/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã MT, thành phố C, xác định chị H và anh Đ1 có hai con chung gồm:

Huỳnh Minh Đ2, sinh ngày 14/8/2003, hiện nay Minh Đông đã trưởng thành, chị H và anh Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

Huỳnh Minh H, sinh ngày 09/9/2009, hiện nay Minh Hiếu đang sống chung với chị H và anh Đ1.

Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Minh H, anh Đ1 đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Minh H. Xét, sự thỏa thuận của chị H và anh Đ1 là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng con chung Huỳnh Minh H và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con, anh Đ1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh Đ1 thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, điểm b khoản 2 Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Huỳnh Minh Đ1.

**2. Về con chung:** Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị H và anh Huỳnh Minh Đ1.

Chị H và anh Đ1 có hai con chung là:

Huỳnh Minh Đ2, sinh ngày 14/8/2003, hiện nay Minh Đông đã trưởng thành, chị H và anh Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

Huỳnh Minh H, sinh ngày 09/9/2009, hiện nay Minh Hiếu đang sống chung với chị H và anh Đ1. Hiện nay con chung đang sống với chị H và anh Đ1. Sau khi ly hôn chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Minh H, sinh ngày 09/9/2009.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con, anh Đ1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị H và anh Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0004757 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Anh Huỳnh Minh Đ1 không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đình Đoan Hùng-Nguyễn Hồng Thơ**

**Đoàn Thị Cẩm Hùng**